TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Tâm

2. Ông Hà Thanh Phong

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lê Đức Xiêm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 08/2023/TBST – HNGĐ ngày 15/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Phương T, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Khu I, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ;
Bị đơn: Anh Mai Văn H, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Khu I, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
(chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Đinh Thị Phương T trình bày:

Chị và anh Mai Văn H kết hôn với nhau ngày 11/4/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn, hai người có tự do tìm hiểu và đến với nhau tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại khu I, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách, lối sống của hai người

không hợp nhau. Chị và anh H đã sống ly thân kể từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh Mai Văn H có 02 con chung là Mai Đinh Nhật H1, sinh ngày 08/9/2008 và Mai Tuấn B, sinh ngày 09/02/2012. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Mai Văn H trình bày:

Anh và chị Đinh Thị Phương T kết hôn với nhau ngày 11/4/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn, hai người có tự do tìm hiểu và đến với nhau tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do tính cách, lối sống của hai người không hợp nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân kể từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Nay chị T xin ly hôn thì anh không nhất trí và xin được đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị Đinh Thị Phương T có 02 con chung là Mai Đinh Nhật H1, sinh ngày 08/9/2008 và Mai Tuấn B, sinh ngày 09/02/2012. Trường hợp nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh xin đồng ý giao cả 02 con chung cho chị T nuôi; nếu chị T yêu cầu anh phải đóng góp tiền nuôi con chung thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Phương T và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Xử cho chị Đinh Thị Phương T được ly hôn với anh Mai Văn H;

Về con chung: Giao 02 con chung là Mai Đinh Nhật H1, sinh ngày 08/9/2008 và Mai Tuấn B, sinh ngày 09/02/2012 cho chị Đinh Thị Phương T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Mai Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu. Anh Mai Văn H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Phương T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Đinh Thị Phương T và anh Mai

Văn H. Bị đơn là anh Mai Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu I, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã tiến hành thủ tục tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho anh H; tuy nhiên nhiều lần anh H vắng mặt không có lý do. Sau đó, anh H có đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao làm việc và có bản tự khai. Tại phiên họp và hòa giải, cũng như phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất anh H đều vắng mặt không có lý do. Như vậy là anh H cố tình không hợp tác, việc anh H cố tình trốn tránh không đến Tòa theo triệu tập của T1 án có nghĩa là anh H từ chối quyền được trình bày tại tòa và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Phương T và anh Mai Văn H có đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/4/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng, hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được chị T và anh H xác định là do tính cách, lối sống của hai người không hợp nhau; Chị T và anh H đã sống ly thân kể từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Phía anh H mặc dù xác định vợ chồng có mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân nhau nhưng anh không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị T và đề nghị xin được đoàn tụ để nuôi dạy con chung; Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của anh H không có tính thuyết phục; bởi lẽ anh H mong muốn được đoàn tụ nhưng anh cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và tại các phiên hòa giải cũng như phiên tòa lần thứ nhất anh đều vắng mặt không có lý do; điều đó thể hiện lời trình bày của anh H chỉ mang tính gây khó khăn cho việc chị T xin ly hôn mà không hề có mục đích khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để hai người tiếp tục chung sống với nhau. Mặt khác, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T và anh H sinh sống xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H có mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân kể từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T đề nghị ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Đinh Thị Phương T và anh Mai Văn H có 02 con chung là Mai Đinh Nhật H1, sinh ngày 08/9/2008 và Mai Tuấn B, sinh ngày 09/02/2012. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét đề nghị của chị T là chính đáng bởi lẽ chị T đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung; đồng thời cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với chị T; hơn nữa, phía anh H cũng nhất trí để cho chị T trực tiếp nuôi các con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung, cần

giao con chung là Mai Đinh Nhật H1 và Mai Tuấn B cho chị Đinh Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Mai Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Đinh Thị Phương T vì chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Đinh Thị Phương T và anh Mai Văn H đều xác định không đề nghị Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị Phương T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Phương T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Phương T được ly hôn với anh Mai Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Đinh Nhật H1, sinh ngày 08/9/2008 và cháu Mai Tuấn B, sinh ngày 09/02/2012 cho chị Đinh Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Anh Mai Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Anh Mai Văn H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đinh Thị Phương T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2020/0002476 ngày 18/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

5. Chị Đinh Thị Phương T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mai Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã Đ, huyện A, TP. Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Liên